

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH BÌNH  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 14 – 6 – 2022  
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Văn Liệt.

2. Ông Ngô Văn Khon

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 14 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40a/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 36a/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Ngô Thị B, sinh năm 1996.

HKTT: ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: ấp 1, xã 3, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Huỳnh Hữu H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 13/12/2021, Biên bản phiên họp ngày 22/3/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị B trình bày:*

Chị Ngô Thị B và anh Huỳnh Hữu H do quen biết, tìm hiểu nên được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2010. Sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 08/7/2019. Việc anh chị chung sống với nhau là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Trong thời gian chị Ngô Thị B và anh Huỳnh Hữu H chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình H phúc nhưng không được. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2020 cho đến nay. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau.

Nay chị Ngô Thị B yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Hữu H.

+ *Về con chung*: Chị Ngô Thị B và anh Huỳnh Hữu H có hai con chung là Huỳnh Minh H1, sinh ngày 17/10/2011 và Huỳnh Thị TK, sinh ngày 21/5/2019. Chị Ngô Thị B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Huỳnh Thị TK, sinh ngày 21/5/2019 đến khi thành niên. Chị Ngô Thị B không yêu cầu anh Huỳnh Hữu H cấp dưỡng nuôi con. Chị Ngô Thị B thống nhất giao cháu Huỳnh Minh H1, sinh ngày 17/10/2011 cho anh Huỳnh Hữu H được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị Ngô Thị B không cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Huỳnh Hữu H không có ý kiến trình bày.*

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm: Đơn khởi kiện của chị Ngô Thị B; Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh của Huỳnh Minh H1, sinh ngày 17/10/2011 và Huỳnh Thị TK, sinh ngày 21/5/2019; Giấy CMND và sổ hộ khẩu của chị Ngô Thị B; Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện; Bản khai ý kiến con chưa thành niên; Bản tự khai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Theo yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị B và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Huỳnh Hữu H cư trú tại ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 24 tháng 4 năm 2022 Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40a/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 36a/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 vụ án được xét xử vào

lúc 13 giờ 30 ngày 14 tháng 6 năm 2022 bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Huỳnh Hữu H là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Ngô Thị B và anh Huỳnh Hữu H do quen biết nên tổ chức đám cưới vào năm 2010 và anh chị đi đăng ký kết hôn tại UBND xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp ngày 08/7/2019. Việc kết hôn giữa chị Ngô Thị B và anh Huỳnh Hữu H là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Thị B xác định: Trong thời gian chị Ngô Thị B và anh Huỳnh Hữu H chung sống với nhau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau, không hòa hợp trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi vã. Vợ chồng cố gắng tạo lập gia đình hạnh phúc nhưng không được. Hiện nay, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa chị Ngô Thị B và anh Huỳnh Hữu H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn, nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”. Do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ngô Thị B đối với anh Huỳnh Hữu H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, cháu Huỳnh Thị TK, sinh ngày 21/5/2019 đang sống với chị B. Chị B yêu cầu được nuôi dưỡng cháu K đến khi thành niên. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho cháu và tránh việc thay đổi môi trường sống cho cháu. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị B. Giao cháu Huỳnh Thị TK, sinh ngày 21/5/2019 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Đối với cháu Huỳnh Minh H1, sinh ngày 17/10/2011 đang sống với anh H. Chị B thống nhất giao cháu H1 cho anh H được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ và tinh thần cho cháu và tránh việc thay đổi môi trường sống cho cháu. Đồng thời, nguyện vọng của cháu H1 là có nguyện vọng chung sống với anh H. Vì vậy, cần giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên.

Chị Ngô Thị B và anh Huỳnh Hữu H trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không cản trở anh Huỳnh Hữu H, chị Ngô Thị B không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị B không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi cháu K và chị B không cấp dưỡng nuôi cháu H1, nhưng không có ý kiến của anh H về việc có yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi cháu H1 hay không, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ngô Thị B xác định về tài sản chung và nợ chung không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của anh Huỳnh Hữu H, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Ngô Thị B phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị B.

- Về hôn nhân: Chị Ngô Thị B được ly hôn với anh Huỳnh Hữu H.

- Về con chung:

+ Giao cháu Huỳnh Thị TK, sinh ngày 21/5/2019 cho chị Ngô Thị B được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

+ Giao cháu Huỳnh Minh H1, sinh ngày 17/10/2011 cho anh Huỳnh Hữu H được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Huỳnh Hữu H không phải cấp dưỡng nuôi cháu Kim do chị B không yêu cầu. Đối với cháu H1 Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết phần cấp dưỡng.

Anh Huỳnh Hữu H, chị Ngô Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai cản trở.

Chị Ngô Thị B, anh Huỳnh Hữu H cùng các thành viên gia đình không cản trở anh Huỳnh Hữu H, chị Ngô Thị B trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Ngô Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001332 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Chị Ngô Thị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Huỳnh Hữu H không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã 2, huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Thị Kim Trinh**